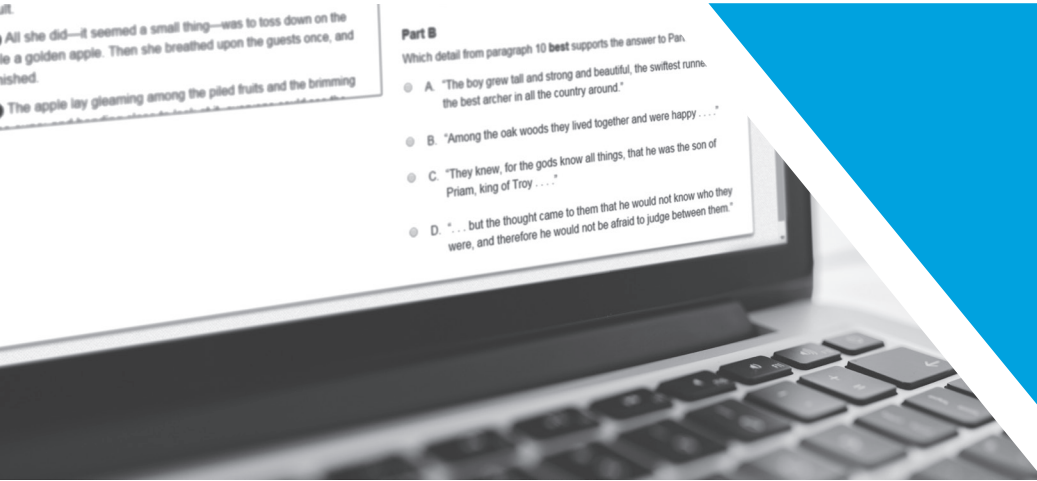


Mùa Xuân



ILLINOIS
STATE BOARD OF
EDUCATION



Bài Đánh giá Môn Khoa học Illinois Hướng dẫn Diễn giải Phiếu điểm

Mục lục

1.0 Thông tin chung dành cho Phụ huynh và Giáo viên	4
1.1 Thông tin cơ bản	4
1.2 Đánh giá ISA	4
1.3 Bảo mật kết quả báo cáo	4
1.4 Mục đích của Hướng dẫn này	4
2.0 Tìm hiểu Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh trong Bài Đánh giá Môn Khoa học Illinois (ISR)	5
2.1 Các loại điểm số trong Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh ISA	5
2.1.1 Thang điểm	5
2.1.2 Mức thành tích	5
2.2 ISR mẫu	6
2.3 Mô tả Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh	6
2.3.1 Thông tin chung	6
2.3.2 Điểm đánh giá chung	6
Phụ lục A	9
Phạm vi Thang điểm	9

1.0 Thông tin chung dành cho Phụ huynh và Giáo viên

1.1 Thông tin cơ bản

Đánh giá Môn Khoa học Illinois (Illinois Science Assessment, ISA) được thực hiện để đáp ứng các yêu cầu trong Đạo luật Mỗi Học sinh Đều Thành công (Every Student Succeeds Act, ESSA). ESSA yêu cầu các tiểu bang đánh giá học sinh về môn khoa học một lần trong mỗi giai đoạn lớp sau đây: 3-5, 6-9 và 10-12. Tiểu bang Illinois tổ chức Đánh giá Môn Khoa học (ISA) cho học sinh Lớp 5 và Lớp 8. Năm 2025, tiểu bang Illinois đã chuyển sang sử dụng bài thi ACT® làm bài đánh giá trách nhiệm giải trình ở bậc trung học đối với các môn ngữ văn Anh (ELA), toán và khoa học.

1.2 Đánh giá ISA

Bài Đánh giá Môn Khoa học Illinois (ISA) sẽ được thực hiện theo thể thức trên máy tính (CBT) hoặc trên giấy (PBT).

Bài Đánh giá Môn Khoa học Illinois đo lường mức tiến bộ của học sinh lớp 5 và lớp 8 trong việc đáp ứng Bộ Tiêu chuẩn Học tập Illinois về môn Khoa học, có lồng ghép Bộ Tiêu chuẩn Khoa học Thế hệ mới (Next Generation Science Standards, NGSS).

1.3 Bảo mật kết quả báo cáo

Kết quả thành tích cá nhân học sinh trong bài kiểm tra đánh giá ISA được bảo mật và chỉ được phép công bố theo Đạo luật Quyền Giáo dục Gia đình và Quyền riêng tư năm 1974 (20 Bộ luật Hoa Kỳ Phần 1232g). Dữ liệu tổng hợp về thành tích học sinh được công bố công khai và không nêu tên của từng học sinh hay giáo viên cụ thể.

1.4 Mục đích của Hướng dẫn này

Hướng dẫn này cung cấp thông tin về báo cáo cá nhân học sinh có ghi kết quả đánh giá ISA. Phần 2.0, với nội dung nêu rõ và giải thích các yếu tố của báo cáo cá nhân học sinh, có thể được thông báo với phụ huynh. Phần này sẽ giúp phụ huynh hiểu rõ kết quả kiểm tra của con em.

Báo cáo mẫu trong hướng dẫn này chỉ nhằm mục đích minh họa. Chúng được cung cấp nhằm thể hiện bố cục cơ bản của báo cáo và các thông tin mà báo cáo cung cấp. Báo cáo mẫu không bao gồm dữ liệu thực tế từ bất cứ quy trình kiểm tra nào.

2.0 Tìm hiểu Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh trong Bài Đánh giá Môn Khoa học Illinois (ISR)

2.1 Các loại điểm số trong Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh ISA

Thành tích của học sinh trong bài kiểm tra đánh giá ISA được mô tả trong báo cáo thành tích cá nhân học sinh sử dụng thang điểm và mức thành tích. Kết quả trung bình tiểu bang được bao gồm trong các phần liên quan của báo cáo nhằm giúp phụ huynh hiểu rõ thành tích của con em mình so với thành tích của các học sinh khác.

2.1.1 Thang điểm

Thang điểm là giá trị số tóm tắt thành tích của học sinh. Không phải tất cả học sinh đều trả lời cùng một bộ đề kiểm tra như nhau nên điểm số sơ bộ của mỗi học sinh (điểm thực tế thu được qua các bài kiểm tra) sẽ được điều chỉnh để hơi khác về độ khó giữa các biểu mẫu và các bài kiểm tra khác nhau. Thang điểm kết quả cho phép so sánh chính xác giữa các biểu mẫu kiểm tra và nhiều năm tổ chức trong một lớp hoặc một khóa học và lĩnh vực nội dung. Báo cáo ISA cung cấp thang điểm chung cho môn khoa học, qua đó xác định mức thành tích của học sinh. Thang điểm ISA dao động từ 700 đến 900 điểm cho tất cả các bài kiểm tra. Ngoài ra, ISA còn cung cấp thang điểm theo lĩnh vực cho mỗi trong ba lĩnh vực: Sự sống, Vật lý và Trái đất/Không gian, với thang điểm theo lĩnh vực dao động từ 300 đến 500.

Ví dụ, một học sinh đạt được thang điểm chung là 800 trên một mẫu đánh giá môn khoa học lớp 8 dự kiến sẽ đạt thang điểm chung là 800 trên bất kỳ mẫu đánh giá môn khoa học lớp 8 nào khác. Ngoài ra, thang điểm chung và mức độ lĩnh hội các khái niệm và kỹ năng của học sinh sẽ được so sánh với một học sinh khác làm cùng một bài đánh giá vào năm trước hoặc năm sau đó.

2.1.2 Mức thành tích

Mỗi mức thành tích là một mức độ phân loại rộng được xác định bằng thang điểm chung của học sinh và được dùng để báo cáo thành tích chung của học sinh bằng cách mô tả mức độ mà học sinh đáp ứng mong đợi cho cấp lớp/khóa học của các em. Mỗi mức thành tích được xác định bằng nhiều thang điểm chung cho bài kiểm tra đánh giá. Có bốn mức thành tích cho Bài Đánh giá Môn Khoa học Illinois:

- Mức 4: Vượt chuẩn
- Mức 3: Đạt chuẩn
- Mức 2: Gần đạt chuẩn
- Mức 1: Dưới chuẩn

Học sinh đạt mức 3 và 4 được xem là đạt chuẩn hoặc vượt chuẩn, và đã thể hiện sự sẵn sàng cho cấp lớp tiếp theo. Có thể tham khảo thông tin bổ sung liên quan đến mức thành tích kiểm tra trong Phụ lục A.



Báo cáo Đánh giá môn Khoa học, Năm học 2024-2025

Đánh giá Môn Khoa học Illinois (Illinois Science Assessment, ISA) được thực hiện để đáp ứng các yêu cầu trong Đạo luật Mỗi Học sinh Đều Thành công (Every Student Succeeds| Act, ESSA). ESSA yêu cầu các tiểu bang đánh giá học sinh về môn khoa học một lần trong mỗi giai đoạn lớp sau đây: 3-5 và 6-9. Tiểu bang Illinois tổ chức Đánh giá Môn Khoa học (ISA) cho học sinh Lớp 5 và Lớp 8. Bài đánh giá có thời lượng khoảng hai tiếng. Kết quả đánh giá cung cấp một chỉ số tổng quan về thành tích môn khoa học và cần được sử dụng kết hợp với các dữ liệu địa phương khác để xác định mức độ thành thạo môn khoa học tổng thể của học sinh. Kết quả ISA được thiết kế để cung cấp một cái nhìn tổng quan quy mô lớn về môn khoa học nhằm định hướng việc giảng dạy ở cấp trường và cấp học khu.

5

Để xem video cá nhân hóa về kết quả của TÊN1 và tìm hiểu thêm về đánh giá, hãy sử dụng mã QR hiển thị ở bên phải, hoặc truy cập <https://familyportal.pearson.com/il>



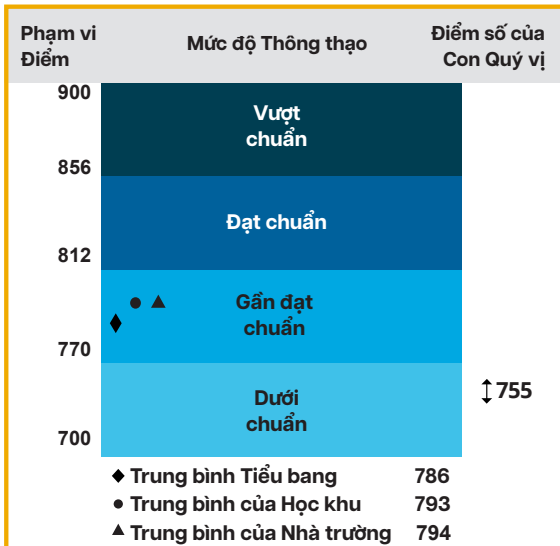
Tôi Có thể Sử dụng Báo cáo này Như thế nào?

Hội đồng Giáo dục Tiểu bang đã chia điểm số ISA thành các mức độ thành thạo để mô tả tình hình học tập hiện tại.

Hãy hỏi giáo viên của quý vị:

- Quý vị có thể cung cấp ví dụ về các kỹ năng và khả năng tư duy phê phán đặc trưng cho các mức độ thành thạo khác nhau trong môn khoa học lớp 5? (để biết thêm thông tin, truy cập <https://il.mypearsonsupport.com/reporting>)
- Báo cáo này nói gì về những điểm mạnh và thách thức hiện tại của con quý vị?
- Họ sẽ làm gì trong năm nay và có thể làm gì ở nhà để giúp con quý vị tiến bộ?

Điểm số của Con Quý vị



TÊN1 đã đạt được điểm số lớp 5 là **755** trong kỳ đánh giá ISA 2025. Điểm số này đánh giá mức độ kỹ năng và kiến thức học tập hiện tại cũng như năng lực hiện tại để áp dụng kỹ năng và kiến thức học tập đó vào các nhiệm vụ học tập mới. Điểm số cao hơn thường phản ánh phạm vi kiến thức về khoa học tốt hơn và khả năng áp dụng kiến thức đó vào các nhiệm vụ và vấn đề học thuật phức tạp hơn.

Điều quan trọng cần nhớ là điểm số ISA của con quý vị là đánh giá **ước lượng** về tình hình học tập hiện tại của các em. Điểm số của con quý vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn đến **7.0**. Đây là mức thay đổi hoàn toàn có thể có trong điểm số của con quý vị nếu em tham gia kiểm tra nhiều lần. Những khác biệt nhỏ về điểm số thì không cần giải thích quá nhiều.

Điều quan trọng cần nhớ là thành tích học tập trong quá khứ không quyết định sự tiến bộ và thành công về học tập trong tương lai. Giáo dục chất lượng cao và nỗ lực cùng sự quyết tâm của học sinh là những yếu tố giúp định hình thành tích học tập trong tương lai.

Thông tin bổ sung về từng Mức độ Thành thạo có thể được tìm thấy tại <https://www.isbe.net/Documents/Proficiency-Levels-2025.pdf>

TÊN TÊN HỌ

TÌM HIỂU KỸ HƠN VỀ BA LĨNH VỰC SẴN SÀNG CHO MÔN KHOA HỌC

Bảng dưới đây hiển thị điểm theo thang của học sinh trong từng lĩnh vực, điểm trung bình theo thang của toàn tiểu bang, và thứ hạng tỷ lệ phần trăm của học sinh trong ba lĩnh vực khoa học. Không nên so sánh tổng điểm theo thang hoặc mức độ thành thạo được nêu ở trên với các điểm theo thang của ba lĩnh vực bên dưới vì các điểm số này không nằm trên cùng một thang điểm.

Lĩnh vực*	Điểm theo Thang lĩnh vực của Học sinh	Điểm Trung bình theo Thang của toàn Tiểu bang	Thứ hạng Tỷ lệ Phần trăm của Học sinh**	Mô tả Lĩnh vực
Khoa học sự sống (300-500)	357	377	52	Học sinh sẽ được trang bị kiến thức về các chủ đề từ phân tử đến sinh vật, hệ sinh thái, di truyền và tiến hóa sinh học.
Trái đất/Không gian (300-500)	346	383	52	Học sinh sẽ được trang bị kiến thức về vị trí của Trái đất trong vũ trụ, các hệ thống của Trái đất, và mối quan hệ giữa Trái đất và hoạt động của con người.
Vật lý (300-500)	379	400	40	Học sinh sẽ được trang bị kiến thức về vật chất, sự chuyển động và ổn định, năng lượng, và sóng.

*Không nên so sánh các điểm số theo lĩnh vực với nhau.

**Không nên tính trung bình thứ hạng tỷ lệ phần trăm của học sinh vì điều đó không phù hợp về mặt thống kê.

Tổng điểm theo thang của kết quả đánh giá thể hiện thành tích của học sinh trong đánh giá môn khoa học, phản ánh mức độ hiểu biết về các lĩnh vực khoa học sự sống, khoa học vật lý, và khoa học Trái đất và không gian.

Ba lĩnh vực này là những chủ đề tổng quát trong môn khoa học. Sự kết hợp giữa khoa học sự sống, khoa học vật lý, và khoa học Trái đất và không gian có thể được sử dụng để trả lời các câu hỏi về các hiện tượng có thể quan sát và đo lường được. Kỹ thuật, công nghệ và việc ứng dụng khoa học được tích hợp vào ba lĩnh vực khoa học này.

Bắt đầu Cuộc trò chuyện: Quý vị có thể sử dụng các kết quả này để bắt đầu cuộc trò chuyện với con em mình, giáo viên hoặc ban giám hiệu nhà trường về môn khoa học. Dưới đây là một số chủ đề và câu hỏi mà quý vị có thể sử dụng khi trao đổi với giáo viên, hiệu trưởng và những người khác trong trường học của quý vị.

ISA là một hình thức đánh giá năng động và đổi mới. Đánh giá này được xây dựng phù hợp với các Tiêu chuẩn Học tập Illinois (ILS) về môn khoa học, dựa trên Bộ chuẩn Khoa học Thế hệ mới (Next Generation Science Standards, NGSS). Các chuẩn mực và đánh giá này không chỉ đơn thuần yêu cầu học sinh ghi nhớ các sự kiện. Cả hai đều yêu cầu học sinh không chỉ "trả lời" câu hỏi bằng các dữ kiện, mà còn phải giải thích lý do và chứng minh câu trả lời của mình với bằng chứng và lập luận. Các chuẩn mực yêu cầu học sinh tiếp cận môn khoa học bằng cách sử dụng các khái niệm tích hợp và có mối liên hệ với nhau.

Tôi có thể đặt những câu hỏi nào cho giáo viên hoặc ban giám hiệu tại trường của con tôi?

- Tôi nên mong đợi điều gì từ một lớp học được giảng dạy theo ILS?
- Giáo dục môn khoa học đã thay đổi như thế nào kể từ khi áp dụng Bộ Tiêu chuẩn Học tập Illinois (ILS)?
- Các chuẩn mực khoa học mới sẽ chuẩn bị cho con tôi như thế nào để sẵn sàng cho đại học và/hoặc nghề nghiệp?

Nhà trường đã thực hiện những thay đổi gì để điều chỉnh chương trình giảng dạy hiện tại cho phù hợp với các chuẩn mực khoa học mới?

- Khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) sẽ được tích hợp như thế nào vào chương trình giảng dạy môn khoa học?
- Các chuẩn mực có được xây dựng phù hợp và liên kết từ lớp này sang lớp khác khi học sinh của tôi tiếp tục quá trình học tập không?
- Học tập ba chiều là gì và điều đó sẽ ảnh hưởng đến con tôi như thế nào?
- Con tôi sẽ cần phải học những kỹ năng và năng lực nào khác trong phạm vi của các chuẩn mực mới?
- Chúng tôi có thể làm gì tại nhà để chuẩn bị, khuyến khích, cải thiện và nâng cao thành tích của con tôi liên quan đến các chuẩn mực này?

Tôi nên hỏi con mình những gì?

- Giải thích một hiện tượng tự nhiên
- Vì sao con nghĩ rằng lời giải thích của mình là đúng.
- Đưa ra bằng chứng (sự kiện, dữ liệu, quan sát, v.v.) để hỗ trợ câu trả lời của con.
- Đưa ra lời giải thích (lập luận) về lý do vì sao bằng chứng của con lại hỗ trợ cho ý tưởng ban đầu.
- Điều quan trọng là tìm hiểu "vì sao" xoay quanh các hiện tượng khoa học, vì niềm vui của môn khoa học chính là việc phân tích bằng chứng và hình thành lập luận!

Các tài nguyên:

- Hội đồng Giáo dục Tiểu bang Illinois, Tài nguyên môn Khoa học: <https://www.isbe.net/Pages/Illinois-Science-Assessment.aspx>
- Các tài nguyên hỗ trợ phụ huynh về NGSS: <https://www.nextgenscience.org/resources/ngss-parent-guides>
- Tìm hiểu về Chuẩn NGSS: <https://www.nextgenscience.org/understanding-standards/understanding-standards>

2.3 Mô tả Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh

2.3.1 Thông tin chung

A. Thông tin nhận dạng

Báo cáo Thành tích Cá nhân của Học sinh liệt kê tên, ngày sinh, số báo danh học sinh ở tiểu bang, cấp lớp khi đánh giá, tên học khu, tên trường và tiểu bang của học sinh. Cấp lớp khi đánh giá cũng được hiển thị trong ô ở bên trái báo cáo.

B. Mô tả Báo cáo

Phần mô tả của báo cáo cung cấp lĩnh vực nội dung (khoa học) được đánh giá, cấp lớp/khóa học được đánh giá và năm đánh giá. Đây cũng là phần cung cấp thông tin tổng quan chung về việc đánh giá và phiếu điểm.

C. Cổng thông tin dành cho Gia đình

Bản Báo cáo Thành tích Cá nhân Học sinh bao gồm thông tin để phụ huynh truy cập vào báo cáo của học sinh và các video giải thích báo cáo qua Cổng thông tin dành cho Gia đình IL. Cổng thông tin dành cho Gia đình có thể được truy cập tại <https://familyportal.pearson.com/il>.

D. Cách dùng báo cáo

Phần này cung cấp hướng dẫn giúp phụ huynh có thể sử dụng báo cáo để bắt đầu thảo luận với (các) giáo viên của con em mình. Phụ huynh và các giáo viên cần thường xuyên trao đổi cập nhật tiến độ nhằm đảm bảo học sinh đang được học các kỹ năng cần thiết để luôn tiến bộ. Thông tin này cũng có thể giúp xác định điểm mạnh và thách thức của đứa trẻ để phụ huynh và giáo viên có thể cùng hợp tác hỗ trợ tiến bộ học tập của học sinh.

2.3.2 Điểm đánh giá chung

E. Biểu đồ hình ảnh về thành tích chung: Thang điểm chung và mức thành tích

Biểu đồ hình ảnh này cung cấp hình ảnh minh họa về các mức thành tích và vị trí thang điểm chung của học sinh trong thang điểm thành tích. Điểm số của học sinh được biểu thị bằng con số và mũi tên màu đen đặt trong cột có nhãn Điểm số của Con Quý vị, tại mức thành tích tương ứng với điểm số của cá nhân học sinh đó. Các phạm vi thang điểm chung được biểu thị bên dưới biểu đồ hình ảnh. Tham khảo Phụ lục A để biết danh sách đầy đủ về các phạm vi thang điểm cho mỗi mức thành tích.

F. Điểm số của Con Quý vị

Phần này của báo cáo cung cấp thông tin liên quan đến thang điểm chung của con quý vị cũng như ước tính những thay đổi dự kiến so với điểm số đó nếu em làm bài kiểm tra nhiều lần.

Phụ lục A

Phạm vi Thang điểm

Khoa học Lớp 5			
Ngưỡng điểm Mức 1	700	Phạm vi Mức 1	700 - 769
Ngưỡng điểm Mức 2	770	Phạm vi Mức 2	770 - 811
Ngưỡng điểm Mức 3	812	Phạm vi Mức 3	812 - 855
Ngưỡng điểm Mức 4	856	Phạm vi Mức 4	856 - 900

Khoa học Lớp 8			
Ngưỡng điểm Mức 1	700	Phạm vi Mức 1	700 - 769
Ngưỡng điểm Mức 2	770	Phạm vi Mức 2	770 - 811
Ngưỡng điểm Mức 3	812	Phạm vi Mức 3	812 - 855
Ngưỡng điểm Mức 4	856	Phạm vi Mức 4	856 - 900